

# MARKET INSIGHTS REPORTS

21.02.2024

**ĂN CẤP QUEN TAY, NGỦ NGÀY QUEN MẮT  
– CẦN THẬN KIỂU GIAO DỊCH CUỐI NGÀY  
KÉO LÊN NHƯNG KHÔNG BÚT PHÁ**



# NỘI DUNG CHÍNH

**03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

**05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

**06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

*Một vài dấu hiệu tiêu cực đã xuất hiện dù có thể chỉ số chưa điều chỉnh ngay*

**07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

**07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

**08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

**08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

**09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

*Tổng quan ngành chứng khoán năm 2023*

**10** TTCK MỸ

*Dự báo các chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm tối nay*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	561
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	239
Số cổ phiếu giảm giá	262
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	60

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	235
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	83
Số cổ phiếu giảm giá	90
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	62

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	358
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	158
Số cổ phiếu giảm giá	111
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	89

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	94,437.72	81,725.54	12,712.18
% KL toàn thị trường	9.55%	8.26%	
Giá trị	2,016,454	2,025,891	(9,436)
% GT toàn thị trường	8.93%	8.97%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,389.62	3,250.11	(1,860.49)
% KL toàn thị trường	9.55%	8.26%	
Giá trị	32,319	72,609	(40,290)
% GT toàn thị trường	2.24%	5.04%	

### UPCOM

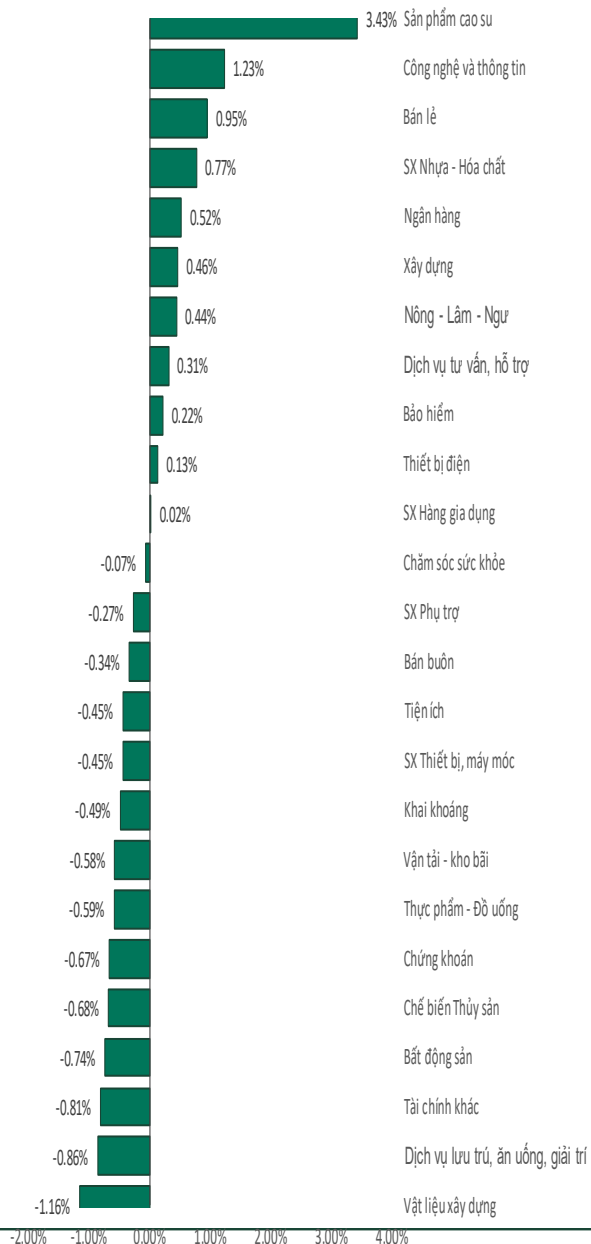
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	680.10	179.71	500.39
% KL toàn thị trường	1.89%	0.50%	
Giá trị	26,690	7,681	19,009
% GT toàn thị trường	4.44%	1.28%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

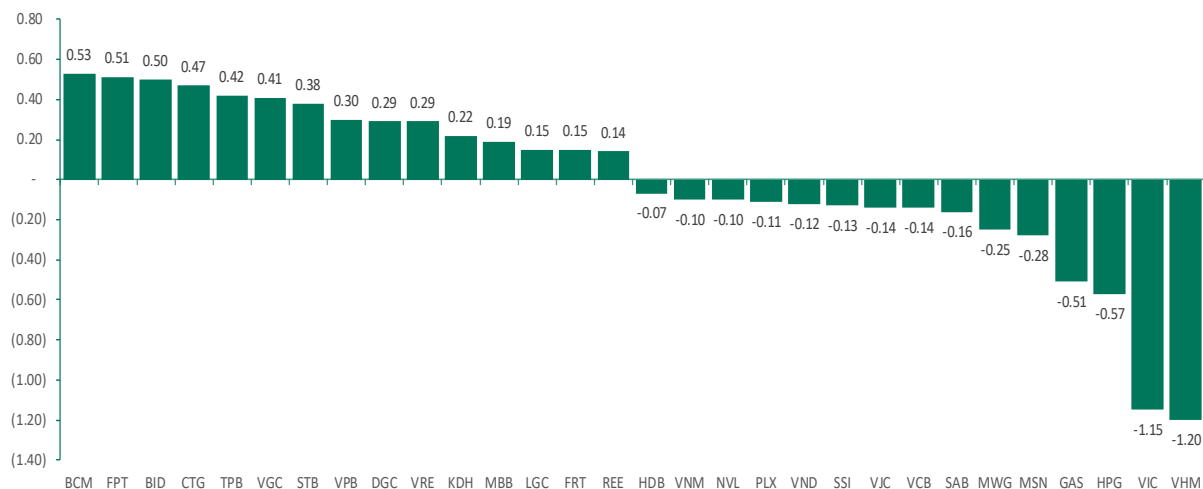
## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,367,400	91,200	-100 (-0.11%)	15.43	3.02	5,910	509,725
2	BID	1,850,900	49,750	350 (0.71%)	15.92	2.31	3,125	283,597
3	VHM	8,945,700	45,000	-1,150 (-2.49%)	5.92	1.07	7,607	195,947
4	CTG	10,391,600	35,550	350 (0.99%)	10.18	1.50	3,491	190,903
5	VIC	6,649,000	47,250	-1,250 (-2.58%)	85.14	1.22	555	180,668
6	GAS	1,111,900	77,700	-900 (-1.15%)	15.63	2.73	4,972	178,457
7	HPG	31,579,600	28,800	-400 (-1.37%)	19.83	1.63	1,452	167,466
8	VPB	17,579,300	19,750	150 (0.77%)	13.67	1.12	1,445	156,695
9	VNM	3,590,200	71,300	-200 (-0.28%)	18.78	4.25	3,796	149,014
10	TCB	7,674,900	39,000	100 (0.26%)	6.81	1.04	5,725	137,378

## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.02 điểm (- 0.00%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Sản phẩm cao su, công nghệ thông tin, bán lẻ, sản xuất nhựa hóa chất, ngân hàng, xây dựng, nông lâm ngư, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, bảo hiểm... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DRC, SRC, FPT, FRT, DGW, DGC, CSV, DCM, BMP, AAA, DPR, PHR, APH, BID, CTG, VPB, STB, VIB, TCB, ACB, MSB, REE, THD, DPG, LGC, HAG, TV2, TV4, PVI, MIG, BMI ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CSV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá trong sóng 5 của sóng 3 lớn tăng giá với mục tiêu là 62 sau đó sóng 4 đối kháng sẽ xuất hiện với vùng hỗ trợ 54 – Nhà đầu tư nếu có cổ phiếu nên canh chốt lời ngắn hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(ii) BMP tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau khi hoàn thành 5 sóng tăng giá, BMP hiện tại vận động theo mẫu hình 3 sóng giảm với mô hình ABC. Hiện có thể vài tín hiệu có thể mẫu hình sóng giảm giá đã kết thúc khi mà hỗ trợ động MA(50) vẫn đứng vững trong giai đoạn giảm điểm vừa qua;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 107 – Một Break out khỏi kháng cự xác nhận sóng giảm đã kết thúc;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(iii) STB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá với giá mục tiêu là 32 - 35;
- ✓ STB dính chính thông tin bán đấu giá thành công KCN Phong Phú mà chỉ là thông tin kỳ vọng sẽ bán được giá 7,900 tỷ trong năm nay khi đấu giá – Tin tức không như báo chí đưa có thể là tin xấu cho STB vào ngày mai;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 62%;

(iv) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Cổ phiếu đã chuyển từ xu hướng giảm giá trung hạn qua và sang xu hướng tăng giá ngắn hạn khi có Break out vào ngày 15/2/2024;
- ✓ Mô hình vận động Rally – Base – Rally;
- ✓ Mục tiêu mô hình này là 65 và mục tiêu định giá theo phân tích doanh nghiệp mà chúng tôi gửi trong báo cáo là 79 – 80;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

**(2) Vật liệu xây dựng, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, tài chính khác, bất động sản, chế biến thủy sản, chứng khoán, thực phẩm đồ uống... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như HPG, HSG, NKG, HSG, HT1, OCH, VNG, IPA, OGC, VHM, VIC, NVL, KBC, DXG, CEO, VHC, ANV, ASM, IDI, FMC, SSI, VND, SHS, MBS, BSI, CTS, VNM, MSN, SAB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm giữa giá với MACD cản trở đà tăng giá ngắn hạn của HPG;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu vận động theo mô hình sóng đối kháng ABC với kháng cự là 50 – Đây sẽ là mốc kháng cự mẫu chốt để giúp VHM thoát khỏi mô hình tiêu cực vì nếu vẫn điều chỉnh dưới mốc kháng cự này, xu hướng trung hạn của VHM vẫn là giảm giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dựa trên phân tích kỹ thuật, SSI đang cho tín hiệu bán sớm theo kỹ thuật RSI(14) – Do vậy, đây là mẫu hình tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 64%;

(ii) KBC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Inverted Hammer”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 32- 34;
- ✓ Vận động KBC vẫn theo mô hình sóng giảm giá cấu trúc – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng tăng và vượt mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý: (i) Chỉ số VN-Index đang ở vùng quá mua, và áp lực bán đang gia tăng mạnh khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự 1,245 – 1,250 điểm. (ii) Nhóm họ VINCOM có 2/3 mã điều chỉnh là VHM và VIC trong khi đó VRE vẫn tiếp tục tăng giá. Về cơ bản dư âm tăng giá vẫn còn nhưng sự thận trọng đã tăng lên. (iii) Như đã chia sẻ trong báo cáo hôm qua, phần lớn nhóm cổ phiếu tăng mạnh trong phiên hôm nay thuộc về nhóm cổ phiếu có mức thanh khoản khiêm tốn như TIP, FRT, DPG, REE, CSV... trong khi đó nhóm quốc dân đang chịu áp lực bán mạnh như thép, chứng khoán... Điểm sáng duy nhất của thị trường nhóm ngành ngân hàng vẫn giao dịch tốt. Việc nhóm ngân hàng giao dịch tốt có thể mang tới hy vọng thị trường không điều chỉnh quá sâu. Tuy nhiên, còn quá sớm để kết luận về mức độ điều chỉnh điểm số của thị trường lúc này. Ngoài ra, không loại trừ chỉ số có thể sẽ rớt lên vùng 1,250 điểm trước khi có đợt điều chỉnh đáng kể đầu tiên. Dù theo hình thức nào, việc giảm tỷ trọng nắm giữ và duy trì một lượng tiền mặt là cần thiết trong giao dịch lúc này. (iv) Khối ngoại hôm quay trở lại bán ròng nhẹ và họ có xu hướng bán các cổ phiếu quốc dân như HPG, MWG, GEX, NVL, MSN, DIG...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 12 mã cho tín hiệu bán, 06 mã cho tín hiệu đi ngang. ACB, BCM, BID, VPB ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 54.55% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Kháng cự là 1,245 điểm. Hỗ trợ là 1,180 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ chỉ số SSI – Tín hiệu bán sớm theo RSI(14) xuất hiện



## Biểu đồ cổ phiếu REE



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	499.37	499.43	499.31	YES	502.34	505.42	508.39	511.47	496.29	493.32	490.24	487.27
HNXINDEX	233.64	233.54	233.74	YES	234.79	235.75	236.9	237.86	232.68	231.53	230.57	229.42
UPINDEX	90.42	90.32	90.52	NO	90.8	90.99	91.37	91.56	90.23	89.85	89.66	89.28
VN30	1241.43	1241.1	1241.75	YES	1248.88	1255.69	1263.14	1269.95	1234.62	1227.17	1220.36	1212.91
VNINDEX	1229.06	1228.57	1229.55	YES	1235.2	1240.36	1246.5	1251.66	1223.9	1217.76	1212.6	1206.46
VNXALL	1988.4	1987.58	1989.23	YES	1999.32	2008.58	2019.5	2028.76	1979.14	1968.22	1958.96	1948.04
VN30FIM	1241.13	1241.7	1240.57	YES	1247.17	1254.33	1260.37	1267.53	1233.97	1227.93	1220.77	1214.73
VN30FIQ	1237.77	1238.25	1237.28	YES	1242.53	1248.27	1253.03	1258.77	1232.03	1227.27	1221.53	1216.77
VN30F2M	1240.2	1239.1	1241.3	YES	1250.2	1258	1268	1275.8	1232.4	1222.4	1214.6	1204.6
VN30F2Q	1235.17	1235	1235.33	YES	1240.33	1245.17	1250.33	1255.17	1230.33	1225.17	1220.33	1215.17
BCM	65.1	64.75	65.45	NO	66.7	67.6	69.2	70.1	64.2	62.6	61.7	60.1
ACB	27.67	27.65	27.68	YES	27.93	28.17	28.43	28.67	27.43	27.17	26.93	26.67
BID	49.48	49.35	49.62	NO	50.07	50.38	50.97	51.28	49.17	48.58	48.27	47.68
BVH	42.5	42.53	42.47	YES	42.75	43.05	43.3	43.6	42.2	41.95	41.65	41.4
CTG	35.6	35.63	35.58	YES	36.15	36.75	37.3	37.9	35	34.45	33.85	33.3
FPT	105.43	105.2	105.67	NO	107.37	108.83	110.77	112.23	103.97	102.03	100.57	98.63
GVR	28.12	28.1	28.13	YES	28.53	28.92	29.33	29.72	27.73	27.32	26.93	26.52
GAS	77.93	78.05	77.82	NO	78.37	79.03	79.47	80.13	77.27	76.83	76.17	75.73
HDB	23.48	23.48	23.49	YES	23.77	24.03	24.32	24.58	23.22	22.93	22.67	22.38
HPG	28.88	28.92	28.84	NO	29.07	29.33	29.52	29.78	28.62	28.43	28.17	27.98
MBB	23.97	23.95	23.98	YES	24.23	24.47	24.73	24.97	23.73	23.47	23.23	22.97
MSN	68.2	68.3	68.1	NO	68.7	69.4	69.9	70.6	67.5	67	66.3	65.8
MWG	46.27	46.35	46.18	NO	46.53	46.97	47.23	47.67	45.83	45.57	45.13	44.87
PLX	35.85	35.9	35.8	NO	36.05	36.35	36.55	36.85	35.55	35.35	35.05	34.85
POW	11.82	11.82	11.81	YES	11.88	11.97	12.03	12.12	11.73	11.67	11.58	11.52
SAB	58.33	58.45	58.22	NO	58.77	59.43	59.87	60.53	57.67	57.23	56.57	56.13
SHB	11.9	11.9	11.9	YES	12	12.1	12.2	12.3	11.8	11.7	11.6	11.5
SSB	22.87	22.83	22.91	NO	23.13	23.32	23.58	23.77	22.68	22.42	22.23	21.97
SSI	34.98	35	34.97	YES	35.27	35.58	35.87	36.18	34.67	34.38	34.07	33.78
TCB	38.98	38.97	38.99	YES	39.37	39.73	40.12	40.48	38.62	38.23	37.87	37.48
STB	31.45	31.42	31.47	YES	32.05	32.6	33.2	33.75	30.9	30.3	29.75	29.15
TPB	19.18	19.02	19.34	NO	19.82	20.13	20.77	21.08	18.87	18.23	17.92	17.28
VCB	91.13	91.1	91.17	YES	91.77	92.33	92.97	93.53	90.57	89.93	89.37	88.73
VHM	45.3	45.45	45.15	NO	45.8	46.6	47.1	47.9	44.5	44	43.2	42.7
VIB	22.35	22.38	22.33	NO	22.5	22.7	22.85	23.05	22.15	22	21.8	21.65
VIC	47.63	47.82	47.44	NO	48.17	49.08	49.62	50.53	46.72	46.18	45.27	44.73
VJC	103.63	103.85	103.42	NO	104.07	104.93	105.37	106.23	102.77	102.33	101.47	101.03
VPB	19.78	19.8	19.77	YES	19.97	20.18	20.37	20.58	19.57	19.38	19.17	18.98
VNM	71.4	71.45	71.35	YES	71.8	72.3	72.7	73.2	70.9	70.5	70	69.6
VRE	25.75	25.63	25.88	NO	26.5	27	27.75	28.25	25.25	24.5	24	23.25

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
STB	44,463,100	17,106,890	260	2.61
TPB	31,792,400	12,477,660	255	4
MSB	22,893,800	11,431,840	200	1.6
AAA	9,799,900	4,501,340	218	3.67
<b>KDH</b>	<b>6,967,200</b>	<b>1,475,830</b>	<b>472.09</b>	<b>3.47</b>
DGC	5,469,800	2,538,870	215	3.04
TIP	4,016,000	775,570	518	6.93
<b>VGC</b>	<b>3,697,600</b>	<b>938,040</b>	<b>394.18</b>	<b>6.62</b>
FIR	3,624,000	1,793,830	202	5.42
CSV	2,628,800	578,590	454	6.91
<b>AMV</b>	<b>2,023,800</b>	<b>914,350</b>	<b>221.34</b>	<b>2.5</b>
TNT	1,820,700	284,510	640	6.9
TLH	1,651,600	717,910	230	-1.59
BCM	1,599,400	625,980	256	3.13
PXL	1,598,500	548,670	291	8.04
<b>C69</b>	<b>1,551,200</b>	<b>274,220</b>	<b>565.68</b>	<b>10</b>
SAM	1,390,300	683,550	203	3.05
DVG	1,260,800	233,840	539	9.37
CVN	1,146,100	160,220	715	6.06
G36	978,500	155,750	628	5.13
<b>FD</b>	<b>868,300</b>	<b>119,850</b>	<b>724.49</b>	<b>8.7</b>
HHG	814,400	264,890	307	10.53
DAG	516,200	174,210	296	2.22
TDG	493,300	85,020	580	3.43
TNH	492,800	227,690	216	0
<b>PPC</b>	<b>470,000</b>	<b>144,100</b>	<b>326.16</b>	<b>0</b>
VPH	458,400	143,440	320	3.01
TDP	454,000	204,180	222	-0.17
TDM	400,200	58,270	687	1.42
ABW	355,500	132,540	268	0
DHT	354,900	143,650	247	3.01
HAP	341,300	148,280	230	1.04
VNE	339,500	162,850	208	-1.09
DAH	285,500	124,560	229	2.81
MCO	270,100	134,440	201	10
DST	265,300	62,890	422	7.69
NAF	255,100	104,300	245	-0.97
PTL	231,200	110,350	210	0
SJS	209,100	33,670	621	4.06
VNB	198,000	49,690	398	3

- Lưu ý: STB, TPB...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
19-Feb	BSR	Mua	≤ 21	10% -20%	Buy Kumo Break out / Nên mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại với hỗ trợ quanh 19
19-Feb	PVB	Mua	≤ 40	10% -20%	Buy Kumo Break out / Nên mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại với hỗ trợ quanh 21
19-Feb	MSN	Mua	≤ 70	10% -20%	Sóng 5 tăng giá với mục tiêu 73 - 79
19-Feb	POW	Mua	≤ 12.5	10% -20%	Cổ phiếu Break out nên giá đi ngang/Hiệu suất có thể thấp

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,180 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,245 điểm;
- Mục tiêu tiếp theo của mô hình 3RV là vùng giá 1,245 điểm (Mục tiêu tối thiểu) – Chúng tôi thấy dòng tiền xoay tua và bắt đầu đẩy mua vào các nhóm ngành liên tục;
- Những nhóm cổ phiếu đang điều chỉnh hoặc nhóm ngành đi ngang vẫn vẫn là lựa chọn tốt cho xu hướng trung và dài hạn;
- Rủi ro điều chỉnh 1 – 2 phiên khi hiện tượng chốt lời là có nhưng chúng tôi chưa thấy dấu hiệu nguy hiểm của việc tạo đỉnh khi điều chỉnh;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ: Phiên 20/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.988 VND/USD, tiếp tục tăng 09 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.137 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.530 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên 19/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 70 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.970 VND/USD và 25.070 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 20/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng tiếp 0,17 – 0,64 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 2,06%; 1W 2,14%; 2W 2,11% và 1M 2,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 1M; giao dịch tại: ON 5,20%; 1W 5,28%; 2W 5,35%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng nhẹ ở các kỳ hạn 5Y và 7Y, giảm ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,23%; 5Y 1,43%; 7Y 1,83%; 10Y 2,31%; 15Y 2,53%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Có 5.091,04 tỷ đồng trúng thầu, như vậy NHNN bơm ròng 5.091,04 tỷ đồng ra thị trường qua kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



## Báo cáo nhanh ngành chứng khoán

### TỔNG QUAN NGÀNH

Đvt: TỶ ĐỒNG, trừ chú thích khác

41 CTCK được quan sát trong báo cáo này	2020	2021	2022	2023	Q4-2023	Q3-2023	Q2-2023	Q1-2023
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	193,247	349,098	323,852	412,180	412,180	376,951	364,593	327,448
%YTD	35.7%	80.6%	-7.2%	27.3%	27.3%	16.4%	12.6%	1.1%
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	81,402	132,241	162,735	189,394	189,394	178,191	179,335	166,768
%YTD	13.5%	62.5%	23.1%	16.4%	16.4%	9.5%	10.2%	2.5%
<b>VỐN ĐIỀU LỆ</b>	56,112	85,723	113,913	120,625	120,625	119,625	117,128	114,568
%YTD	6.9%	52.8%	32.9%	5.9%	5.9%	5.0%	2.8%	0.8%
<b>NỢ VAY</b>	89,651	174,816	134,063	201,031	201,031	179,584	158,603	138,665
%YTD	52.1%	95.0%	-23.3%	50.0%	50.0%	34.0%	18.3%	3.4%
<b>% NỢ VAY/ VCSH</b>	110.13%	132.20%	82.38%	106.14%	106.14%	100.78%	88.44%	83.15%
<b>DỰ NỢ CHO VAY MARGIN &amp; ỨNG TIỀN</b>	87,937	184,996	111,497	163,670	163,670	151,819	135,922	112,917
%YTD	59.4%	110.4%	-39.7%	46.8%	46.8%	36.2%	21.9%	1.3%
<b>% DỰ NỢ MARGIN/ VCSH</b>	108.03%	139.89%	68.51%	86.42%	86.42%	85.20%	75.79%	67.71%
<b>TỔNG DMĐT TỰ DOANH</b>	81,176	116,678	149,542	197,821	197,821	177,780	178,025	165,524
%YTD	32.7%	43.7%	28.2%	32.3%	32.3%	18.9%	19.0%	10.7%
<b>% DMĐT TỰ DOANH / TỔNG TÀI SẢN</b>	42.0%	33.4%	46.2%	48.0%	48.0%	47.2%	48.8%	50.5%
<b>TỔNG TSTC CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CTCK</b>	654,368	849,598	926,168	1,014,149	1,014,149	1,019,445	932,282	916,780
%YTD	N/A	29.8%	9.0%	9.5%	9.5%	10.1%	0.7%	-1.0%
<i>Trong đó: Tiền gửi của khách hàng</i>	55,388	87,144	59,371	76,689	76,689	73,375	62,493	55,642
%YTD	N/A	57.3%	-31.9%	29.2%	29.2%	23.8%	5.3%	-6.3%
<i>% Tiền gửi khách hàng/ Tổng TSTC</i>	8.46%	10.26%	6.41%	7.56%	7.56%	7.20%	6.70%	6.07%
<b>TỔNG GTGD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>	6,012,030	16,921,332	14,532,456	19,223,547	19,223,547	18,033,728	17,023,514	16,292,203
%YTD	49.6%	181.5%	-14.1%	32.3%	32.3%	-60.1%	-72.9%	-70.5%
<b>Phí giao dịch bình quân (%)</b>	0.10%	0.12%	0.10%	0.06%	0.06%	0.07%	0.07%	0.05%
<b>HIỆU QUẢ KINH DOANH</b>								
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	33,564	70,670	64,168	59,454	15,668	16,777	14,612	12,397
%YoY	39.5%	110.8%	-9.2%	-7.3%	9.2%	22.2%	-11.7%	-34.7%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	18,555	37,523	25,494	33,281	8,712	9,678	8,759	6,132
%YoY	37.3%	102.2%	-32.1%	30.5%	104.0%	72.0%	69.9%	-41.2%
<b>Lợi nhuận sau thuế của CĐ Cty mẹ</b>	10,393	23,490	10,840	15,568	4,114	5,117	3,827	2,514
%YoY	50.8%	126.0%	-53.9%	43.6%	736.2%	124.1%	128.7%	-60.6%
<b>ROE 4Q (%)</b>	12.6%	17.8%	6.7%	8.2%	8.2%	6.7%	5.1%	4.2%
<b>CƠ CẤU LÃI GỘP</b>								
<b>Lãi gộp HD Margin</b>	5,339	11,966	13,479	13,190	3,687	3,817	3,050	2,637
%YoY	5.9%	124.1%	12.6%	-2.1%	56.4%	15.9%	-18.1%	-35.7%
<b>Lãi gộp tự doanh</b>	8,635	14,348	3,964	15,940	4,198	4,200	4,701	2,841
%YoY	65.6%	66.2%	-72.4%	302.2%	730.0%	439.9%	-1796.9%	-3.9%
<b>Lãi gộp môi giới</b>	1,624	7,022	4,467	2,197	338	1,078	593	189
%YoY	127.9%	332.5%	-36.4%	-50.8%	-54.8%	12.2%	-18.7%	-90.7%
<b>Lợi nhuận gộp khác</b>	2,958	4,187	3,584	1,953	489	584	415	466
%YoY	16.3%	41.5%	-14.4%	-45.5%	-25.8%	-2.1%	-57.6%	-65.1%

(\*) Phí giao dịch bình quân = Doanh thu môi giới / Tổng giá trị giao dịch của NĐT bao gồm cả cổ phiếu, trái phiếu, CQK trong kỳ (Không bao gồm giá trị giao dịch chứng khoán của công ty)

### KỶ BẢO CAO: 2023

Mã CK	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động / Doanh thu hoạt động	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận sau thuế của CĐ Cty mẹ	Tổng nợ / VCSH (lần)	ROE 4Q (%)	EPS 4Q (VND/CP)		
	TỶ VNĐ	TỶ VNĐ	+/-% YoY	TỶ VNĐ	%	TỶ VNĐ	TỶ VNĐ	+/-% YoY	Lần	(*)	(**)
SSI	69,241	7,158	13.0%	2,409	33.7%	4,749	2,319	36.4%	1.98	10.0%	1,545
TCBS	43,790	5,255	0.7%	662	12.6%	4,593	2,396	-1.3%	0.85	10.1%	11,004
VND	41,742	6,561	-6.2%	2,194	33.4%	4,367	2,018	47.7%	1.53	12.2%	1,657
MASC	19,984	2,498	-5.4%	1,652	66.1%	846	566	-24.8%	1.06	5.8%	859
VPS	19,676	6,374	-24.5%	4,564	71.6%	1,810	657	-18.6%	1.50	7.3%	1,152
HCM	17,911	2,903	-25.6%	1,696	58.4%	1,207	674	-20.9%	1.15	8.1%	894
VCI	17,255	2,472	-21.7%	1,064	43.0%	1,409	492	-43.4%	1.34	6.7%	1,124
MBS	15,325	1,816	-7.3%	572	31.5%	1,244	584	13.6%	2.04	11.6%	1,334
TVS	13,529	1,332	30.4%	345	25.9%	988	251	475.7%	5.58	12.2%	1,661
KBSV	11,995	1,216	14.3%	299	24.8%	917	240	34.0%	1.89	5.8%	798
ACBS	11,773	1,675	20.3%	1,047	62.5%	628	396	408.7%	1.11	7.1%	991
VCBS	11,717	1,351	34.0%	282	20.8%	1,070	490	123.5%	1.90	12.1%	1,959
SHS	11,457	1,460	-5.3%	606	41.5%	854	559	244.8%	0.12	5.4%	688
KIS	9,884	2,421	-18.5%	1,651	68.2%	770	469	214.8%	0.86	8.9%	1,248
VIX	9,087	1,624	36.8%	394	24.2%	1,230	966	209.8%	0.03	10.9%	1,444
CTS	8,559	1,145	31.2%	454	39.6%	691	188	163.9%	3.20	9.2%	1,261
BSI	8,326	1,259	15.6%	451	35.8%	808	408	263.4%	0.78	8.7%	2,014
FTS	8,235	944	11.0%	329	34.8%	615	445	39.8%	1.26	12.2%	2,074
ORS	6,932	2,822	3.7%	2,034	72.1%	787	229	68.4%	1.73	9.0%	762
Shinhan	6,666	515	62.3%	311	60.4%	204	116	43.7%	1.94	5.1%	604
BVS	6,026	870	1.7%	432	49.6%	438	196	33.2%	1.60	8.5%	2,708
VDS	5,318	772	-6.2%	251	32.6%	521	328	401.8%	1.20	13.8%	1,572
KimEng	5,101	664	7.2%	283	42.6%	381	222	7.0%	0.65	7.2%	1,008
Yuanta	4,629	567	-6.8%	285	50.3%	282	121	-5.2%	0.54	4.0%	484
DSC	4,123	438	162.8%	151	34.5%	287	120	258.5%	0.85	5.4%	585
TVSI	4,027	202	-92.0%	135	66.7%	67	-397	-367.7%	0.23	-12.1%	-1,506
AGR	3,063	361	-1.6%	61	17.0%	300	146	0.0%	0.23	5.9%	679
HFT	2,546	247	13.3%	98	39.5%	150	22	71.2%	0.70	1.5%	230
EVS	2,361	383	-57.7%	258	67.5%	124	38	-50.4%	0.21	1.9%	228
PSI	2,259	300	-37.9%	176	58.9%	123	29	8.8%	2.29	4.2%	483
TCI	1,884	169	-20.3%	64	38.1%	105	58	-16.8%	0.43	4.4%	577
APG	1,805	293	59.0%	107	36.3%	187	141	174.4%	0.04	8.1%	921
BMS	1,171	323	-39.2%	194	60.0%	129	80	182.7%	0.48	10.1%	1,235
TVB	1,007	125	-18.8%	19	15.3%	106	63	119.9%	0.02	6.4%	563
APS	811	434	3.1%	113	95.1%	21	-172	61.7%	0.03	-21.8%	-2,072
IVS	766	81	11.2%	16	20.1%	64	27	56.6%	0.01	3.6%	390
SBS	655	146	5.9%	56	38.5%	90	0	100.3%	0.91	0.1%	1
WSS	521	95	173.4%	87	91.4%	8	1	108.4%	0.01	0.2%	23
HBS	424	36	96.9%	5	14.0%	31	18	279.9%	0.01	4.4%	560
VIG	348	41	-42.5%	8	18.2%	34	31	1067.3%	0.04	9.2%	685
HAC	273	104	67.3%	59	56.4%	45	34	141.3%	0.04	12.7%	1,148

(\*) EPS 4Q gần nhất, ROE(4Q) được tính dựa trên số lượng cổ phiếu lưu hành & Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023, CHƯA bao gồm số lượng cổ phiếu phát hành sau ngày 31/12/2023

(\*\*) EPS 4Q gần nhất được tính dựa trên số lượng cổ phiếu lưu hành đến ngày 18/02/2024

NVIDIA đã rơi mạnh trước khi công bố lợi nhuận hôm nay – Tin ra là bán



Các cổ phiếu tiêu dùng có tính chất phòng thủ đang lên ngôi cho thấy xu hướng chung của thị trường là tiêu cực



Phần lớn các cổ phiếu lớn của Mỹ có doanh thu được tạo ra ở bên ngoài nước Mỹ

Company	Position (%)	US Rev.	Non-US Rev.
Microsoft	10.4	50%	50%
ASML	9.5	14%	86%
Visa	9.1	43%	57%
NVIDIA	8.6	31%	69%
Fair Isaac	8.5	85%	15%
Cadence	8.0	44%	56%
Novo Nordisk	8.0	34%	66%
Constellation Soft.	7.6	44%	56%
Mastercard	7.6	35%	65%
Alphabet	6.3	48%	52%
MSCI	6.0	42%	58%
Applied Materials	5.4	15%	85%
Fortinet	5.0	30%	70%
Weighted:		41%	58%

Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều và mô hình Rising Wedge tới hồi kết



**Kết luận:** Dự báo tới nay các chỉ số sẽ điều chỉnh giảm điểm.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

### CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

